

Bản án số: 225/2019/DS-ST

Ngày: 12 – 8 – 2019

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Trí Thiện

2. Bà Trần Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị S – Sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Phú Đ, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Trần Văn T – Sinh năm 1968 (vắng mặt);

2.2. Đỗ Thị Ngọc D – Sinh năm 1970 (vợ anh T), vắng mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 14, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Đăng ký thường trú: Ấp Cái T, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Chị Trương Thị T1 – Sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 30, tổ 2, ấp Phú H, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Ngô Đức T2 - Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 752, tổ 11, ấp Phú X, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12-02-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Võ Thị S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên năm 2017 chị S cho vợ chồng bị đơn là anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D vay tiền ba lần để trả nợ ngân hàng, ba lần vay tiền đều do anh T viết biên nhận và ký tên, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10-10-2017 vay 20.000.000đ;
- Lần 2: Ngày 25-10-2017 vay 20.000.000đ;
- Lần 3: ngày 11-11-2017 vay 20.000.000đ.

Mức lãi suất 3%/tháng, trả tiền vốn và tiền lãi trả một lần vào tháng 01-2018, nhưng đến hạn không trả tiền vốn và tiền lãi, chị đến nhà đòi nhiều lần bị đơn hứa hẹn nhưng không trả. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D trả tiền vốn 60.000.000đ và phải tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cuối cùng là ngày 11-11-2017 đến nay.

Bị đơn là anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Chị S cung cấp chứng cứ là người làm chứng tên Trương Thị T1 và Ngô Đức T2 biết anh T, chị D có thiếu chị S số nợ trên, chị đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 10-5-2019, chị Trương Thị T1 cho biết chị và chị S có quen biết nhau, còn anh T, chị D thì chị không biết, nhưng chị biết anh T, chị D khoảng tháng 10-2017 do chị S đưa chị D, anh T đến nhà chị giới thiệu để vay tiền, chị không đồng ý vì không biết D, T, chị S nói chị vay dùm cho D, T, chị nói chỉ biết chị S, nếu chị S vay thì chị cho vay, lúc này chị S hỏi vay 20.000.000đ và chị đưa cho chị S 20.000.000đ, mức lãi 3%/tháng, chị S nhận tiền và đưa ngay lại cho anh T nhận và anh T đếm lại tiền cho biết là đã đủ 20.000.000đ rồi đưa lại cho chị D là vợ anh T, giữa chị với chị S không làm biên nhận vì tin tưởng nhau.

Khoảng 10 ngày sau, cũng trong tháng 10-2017, chị S đến nhà chị hỏi vay thêm 20.000.000đ, lãi 3%/tháng, nói mượn để đưa cho T, D mượn lại, lúc này không có mặt anh T, chị D, chị S điện thoại di động cho chị D nói chuyện với chị, D nói cho mượn đi, sau này sẽ đưa tiền cho chị S trả, chị nói chỉ biết chị S và cho chị S vay, ngay lúc này chị S tiếp tục điện thoại di động cho anh T nói đã hỏi mượn tiền được rồi nên điện thoại cho anh T để vợ chồng cùng biết, rồi chị S đưa điện thoại cho chị nói chuyện với anh T, anh T nói với chị đưa cho chị S mượn đi sau này sẽ đưa tiền cho chị S trả, chị nói với anh T chỉ biết chị S và đã đưa tiền cho chị S rồi.

Ngày 11-11-2017 chị S đến nhà chị tiếp tục hỏi vay 20.000.000đ nữa, lãi 3%/tháng, cũng nói mượn để cho anh T, chị D mượn lại, lần này không có mặt anh T, chị D, chị S cũng điện thoại cho chị D, anh T và đưa điện thoại cho chị nói chuyện với hai người này, nội dung nói chuyện như trên.

Tổng cộng 03 lần vay số tiền vốn 60.000.000đ, chị S đã trả cho chị tiền vốn và tiền lãi đầy đủ, hiện chị S không còn thiếu chị khoản tiền nào. Chị xác định anh T, chị D có thiếu chị S 60.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 21-5-2019 anh Ngô Đức T2 trình bày, anh với chị Võ Thị S và vợ chồng Trần Văn T, Đỗ Thị Ngọc D có mối quan hệ bạn bè, không bà con với bên nào.

Khoảng cuối năm 2017 (không nhớ ngày tháng), chị S cùng vợ chồng chị D, anh T đến nhà anh hỏi mượn 20.000.000đ để làm công chuyện, không nói để làm gì, anh nói lúc này không có tiền nên không cho mượn, chị S và chị D, anh T đi về.

Sau đó (không nhớ ngày tháng) gần tết Nguyên Đán năm 2018, khoảng 19 giờ chị S điện thoại cho anh nói “Mày rảnh không ra chợ uống cà phê với tao, có vợ chồng D ở đây”, anh hỏi quán nào, chị S nói quán thăng Ca (chủ quán tên Ca tại Chợ Vàm, không có tên quán, chỉ bán cà phê buổi tối), anh chạy xe máy tới quán gặp chị S và vợ chồng T, D, trong lúc uống cà phê chị S nói đã mượn tiền cho vợ chồng D được rồi, mượn trước sau là 60.000.000đ, anh hỏi chị D mượn được rồi hả chị, chị D trả lời Dì Bảy (là chị S, vì chị S thứ Bảy nên chị D, anh T gọi Dì Bảy) mượn được rồi và không nói mượn của ai, anh cũng không hỏi, sau đó anh chạy xe đi công việc của anh.

Đến năm 2018, khoảng giữa tháng Giêng (không nhớ rõ ngày tháng cụ thể) chị S điện thoại rủ anh đến nhà vợ chồng chị D ở ấp Phú Quới, xã Phú An, huyện Phú Tân để lấy lại số tiền trên, anh cùng đi với bà S gặp vợ chồng chị D, anh T tại nhà (vừa là nhà ở, vừa làm lò sấy lúa nếp), chị S nói với vợ chồng chị D “Lo trả lại tiền mượn hôm trước để tao trả lại cho người ta”, anh T nói “Dì Bảy (là gọi bà S) nán cho con ít bữa con gọi tiền lại cho”, D nói “Dì Bảy, ông T nói là có, nán cho con ít bữa con trả đủ hết”, sau đó anh và chị S đi về. Khoảng vài ngày sau, chị S điện thoại cho anh nói vợ chồng D hứa mà chưa thấy trả, tao với mày xuống nhà nó để kêu nó trả, anh cùng chị S đến nhà vợ chồng chị D, gặp vợ chồng chị D ở nhà, ngồi nói chuyện vài phút, chị D kêu chị S vào phòng nói chuyện, còn anh và anh T ngồi tại chỗ, một lúc sau chị S đi ra, anh hỏi có tiền chưa, chị S nói nó hứa ngày 30 tháng Giêng trả, chị S nói với anh T sao D hứa hoài, anh T nói dì nán ít bữa con tính công chuyện xong trả cho dì, chị S nói mày phải trả cho tao để hoài không được, sau đó anh và chị S đi về. Anh xác định vợ chồng chị D, anh T có thiếu chị S số tiền 60.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T, chị D chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, chị Võ Thị S yêu cầu anh T, chị D trả số tiền gốc 60.000.000đ và tính tiền lãi, mặc dù anh T ký tên biên nhận nợ, nhưng mỗi lần vay tiền chị D đều biết; theo lời khai của hai người làm chứng là chị Trương Thị T1, anh Ngô Đức T2 đều xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, do đó chị S yêu cầu anh T, chị D trả số tiền vay 60.000.000đ và tính lãi là có căn cứ theo Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị S khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D trả tiền nợ vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D.

[2] Xét yêu cầu của chị Võ Thị S đòi anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D trả tiền nợ gốc 60.000.000đ và tính tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù tại phiên tòa anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D vắng mặt, nhưng hai bên vay tiền có biên nhận nợ, một mình anh T ký tên, nhưng mỗi lần vay tiền chị D đều biết, qua lời khai của hai người làm chứng Trương Thị T1, Ngô Đức T2 phù hợp với lời khai của chị S. Từ những chứng cứ này cho thấy anh Trần Văn T, chị Đỗ Thị Ngọc D đã vay tiền của chị S 60.000.000đ là có thật, nhưng anh T, chị D chưa trả, do đó chị S yêu cầu anh T, chị D trả số tiền trên là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về tiền lãi, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi được tính như sau:

[4] Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: Từ ngày 11-12-2017 đến tháng 01-2018 là 02 tháng: $60.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 02 \text{ tháng} = 1.992.000đ$;

[5] Chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc. Mức lãi suất quy định tại khoản

2 Điều 468 là 0,83%/tháng (10%/năm), thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc từ tháng 02-2018 đến nay là 19 tháng: $1.992.000 \times 0,83\%/tháng \times 19 \text{ tháng} = 314.000đ$;

[6] Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Từ tháng 02-2018 đến nay là 19 tháng: $60.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 19 \text{ tháng} = 18.924.000đ$.

[7] Tổng cộng tiền lãi là: 21.230.000đ (1.992.000đ + 314.000đ + 18.924.000đ).

[8] Như vậy, anh T, chị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị S tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi 21.230.000đ, tổng cộng tiền nợ gốc là tiền lãi là 81.230.000đ.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị S. Buộc anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị S số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi 21.230.000đ, tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 81.230.000đ.

2. Về án phí:

+ Anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Ngọc D phải chịu án phí sơ thẩm là 4.061.000đ.

+ Hoàn trả 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí cho chị Võ Thị S theo biên lai thu tiền số 0005485 ngày 15-02-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Võ Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Phú T;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

